TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-ST
Ngày 26/05/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nợ hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Ngọc Cận

Ông Đào Khel

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25, 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nợ hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Đặng Thị M**, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Số M đường N, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Bà **Trương Thị Thanh T,** sinh năm 1974

Địa chỉ: Số B đường M, khóm B, phường B, thành phố P, tỉnh sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1978 (có mặt). Địa chỉ: Số S đường L, khóm N, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2019 quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đặng Thị M trình bày:

Bà là chủ hụi, bà Trương Thị Thanh T là hụi viên, bà T có tham gia chơi hụi tuần do bà làm chủ hụi tuần 200.000 đồng; hụi tháng 1.000.000 đồng và bà T có mượn của bà hai đợt tiền:

Đợt 1: Vào ngày 22 tháng 01 năm 2019 là 40.000.000 đồng, có làm biên nhận lập ngày 22/01/2019, có thỏa thuận lãi suất 5% bằng lời nói, có thỏa thuận thời gian trả là 02 tháng. Từ khi vay đến nay bà T chưa trả vốn gốc cho bà, bà T đã đóng lãi cho bà đến tháng 05/2019. Cụ thể tháng 02/2019 đóng lãi 2.000.000 đồng; tháng 03/2019 đóng lãi 2.000.000 đồng; đến tháng 04/2019 thì đóng lãi chung với lần vay tiền sau là 3.500.000 đồng (của số tiền vốn 70.000.000 đồng), tháng 05/2019 đóng 3.500.000 đồng nhưng lần này bà T không giao tiền trực tiếp cho bà mà bà T dùng số tiền này để đóng dùm bà chân hụi khác mà bà T là chủ hụi, còn bà là Hụi viên.

Đợt 2: Vào ngày 28 tháng 02 năm 2019 là 30.000.000 đồng có làm biên nhận lập ngày 28/02/2019, có thỏa thuận lãi suất 5% bằng lời nói, có thỏa thuận thời gian trả là 02 tháng nhưng không có ghi vào biên nhận. Từ khi vay đến nay bà T chưa trả vốn gốc cho bà, bà T đã đóng lãi cho bà đến tháng 05/2019. Cụ thể tháng 03/2019 đóng lãi 1.500.000 đồng; đến tháng 04/2019 thì đóng lãi chung với lần vay tiền trước là 3.500.000 đồng (của số tiền vốn 70.000.000 đồng), tháng 05/2019 đóng 3.500.000 đồng nhưng lần này bà T không giao tiền trực tiếp cho bà mà bà T dùng số tiền này để đóng dùm bà chân hụi khác mà bà T là chủ hụi, còn bà là Hụi viên.

Về hụi tuần: 200.000 đồng; có 34 phần, khởi khui ngày 31/3/2019; ngày mãn hụi là ngày 17/11/2019, bà T chơi 2 phần, bà T hốt hụi vào các tuần:

Tuần1: Vào ngày 31/3/2019 với số tiền bà T nhận 5.280.000 đồng, bà T đã đóng được 5 kỳ mỗi kỳ 200.000 đồng, tổng cộng được 1.000.000 đồng tiền hụi đóng đến 5/5/2019 thì ngưng (từ đó đến nay bà đã đóng thay cho bà T 29 kỳ với số tiền 5.800.000 đồng).

Tuần 2: Vào ngày 04/4/2019 với số tiền 5.600.000 đồng bà T đóng được 5 tuần: Thiếu 29 tuần mỗi tuần 200.000 đồng bằng 5.800.000 đồng. Bà T đóng tiền hụi đến 5/5/2019 thì ngưng (từ đó đến nay bà đã đóng thay cho bà T 29 kỳ với số tiền 5.800.000 đồng).

Hụi tháng: 1.000.000 đồng có 16 phần, khởi khui ngày 5/4/2019; bà T chơi 4 phần, bà T hốt hụi vào:

+ Ngày 5/4/2019 với số tiền 9.600.000 đồng.

+ Ngày 5/5/2019 với số tiền 10.200.000 đồng.

+ Ngày 5/6/2019 với số tiền 10.200.000 đồng.

+ Ngày 5/7/2019 với số tiền 10.200.000 đồng.

Bà T đóng được tháng 8, 9,10, năm 2019 mỗi tháng 4.000.000 đồng (đóng được 12.000.000 đồng). Thiếu hụi tháng 11, 12 năm 2019 là 8.000.000 đồng. Hụi tháng tiếp tục đến tháng 7/2020 mới mãn.

Tổng cộng tiền hụi bà T thiếu bà là 19.600.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà T thiếu bà là: Tiền vay 70.000.000 đồng + tiền hụi 19.600.000 đồng = 89.600.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trương Thị Thanh T phải hoàn trả cho cho bà số tiền còn vốn vay 70.000.000 đồng bà đồng ý trừ số tiền lãi bà T đã đóng nếu cao so với quy định của pháp luật thì trừ vào số tiền gốc.

Về tiền hụi tuần bà không thống nhất với lời trình bày của bà là Trang người đại diện theo ủy quyền của bà T cho rằng bà T đã đóng xong hụi chết cho bà vì thực tế bà T chỉ đóng được 05 tuần được số tiền 2.0000.000 đồng còn nợ lại 29 tuần x 400.000 đồng = 11.600.000 đồng.

Đối với số tiền bị đơn chuyển khoản cho bà tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Sóc Trăng số tài khoản 7421000262534 do bà đứng tên vào các ngày:

+ Ngày 12/6/2019 chuyển khoản số tiền 500.000 đồng và ngày 25/7/2019 chuyển khoản số tiền 400.000 đồng là đóng tiền hụi chết của hai phần hụi tuần trên.

+ Ngày 06/9/2019 chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng và ngày 09/9/2019 chuyển khoản số tiền 1.700.000 đồng (số tiền này do bà và bà T có chơi chung một dây hụi khác do bà Nguyễn Thị Thu H làm chủ hụi, số tiền này bà T đóng dùm cho bà còn dư nên bà T gửi trả cho bà).

Do đó, bà vẫn yêu cầu bà T trả cho bà số tiền hụi tuần là 11.600.000 đồng.

Bị đơn cho rằng không có tham gia chơi hụi tháng là không đúng vì thực tế bà T có tham gia hụi tháng: 1.000.000 đồng có 16 phần, khởi khui ngày 5/4/2019; bà T chơi 4 phần và bà T đã hốt như bà trình bày ở trên.

Tuy nhiên, do dây hụi tháng này bà T mới chỉ vi phạm đến tháng 11/2019 nên bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với tiền hụi tháng là 8.000.000 đồng, nếu sau này bà T không thực hiện đóng hụi chết cho bà thì bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- Tại phiên hòa giải ngày 06/02/2020, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thu T là người đại diện hợp pháp cho bị đơn bà Trương Thị Thanh T trình bày:

Bị đơn Thảo thừa nhận có vay tiền của bà M hai lần như bà M trình bày là đúng. Từ khi vay đến nay bà T chưa trả vốn gốc cho bà M và đã đóng lãi của hai lần vay với lãi suất 5%/tháng, đóng đến hết tháng 06/2019 mới ngưng. Nay bà T đồng ý trả lại số tiền gốc là 70.000.000 đồng cho bà M. Tuy nhiên, bà T yêu cầu Tòa án tính lại số tiền lãi bà T đã đóng cho bà M đến hết tháng 06/2019 là 12.500.000 đồng nếu cao so với quy định của pháp luật thì số tiền lãi đóng dư xin trừ vào số tiền gốc.

Đối với tiền hụi bị đơn Thảo có ý kiến như sau: Bà T thừa nhận có tham gia chơi hụi và hốt hụi tuần như bà M trình là đúng. Tuy nhiên, sau khi hốt hụi thì bà T đã đóng hụi chết đầy đủ cho bà M, có khi thì đóng bằng tiền mặt và có chuyển khoản cho bà M 04 lần cụ thể là chuyển vào tài khoản của bà M được mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Sóc Trăng số tài khoản 7421000262534, cụ thể:

+ Ngày 12/6/2019 chuyển khoản số tiền 500.000 đồng

+ Ngày 09/9/2019 chuyển khoản số tiền 1.700.000 đồng.

+ Ngày 25/7/2019 chuyển khoản số tiền 400.000 đồng.

+ Ngày 06/9/2019 chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi tuần đã đóng qua chuyển khoản là 7.600.000 đồng và số tiền hụi còn lại bà T đã trả cho bà M bằng bằng tiền mặt (khi giao thì không có làm biên nhận).

Đối với phần hụi tháng: Bà T không có tham gia chơi hụi tháng do bà M làm chủ. Nên việc bà M xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi này bà T không có ý kiến gì.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 72; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ vay tổng cộng là 70.000.000 đồng và đề nghị xem xét tính lại số tiền lãi bà T đã đóng cho bà M với số tiền là 12.500.000 đồng với lãi suất 5%/tháng là cao so với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên đề nghị trừ vào số tiền gốc phần chênh lệch.

Đối với tiền hụi tuần đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.000.000 đồng.

Đối với tiền hụi tháng. Do bà M đã rút lại toàn bộ yêu cầu này nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu sau: Bản sao do Thẩm phán ký đối chiếu bản chính biên nhận mượn tiền 40.000.000 đồng có chữ ký và ghi họ và tên Trương Thị Thanh T đề ngày 22/01/2019 và bản sao do Thẩm phán ký đối chiếu bản chính biên nhận mượn tiền 30.000.000 đồng có chữ ký và ghi họ và tên Trương Thị Thanh T đề ngày 28/02/2019.

Những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự:

- Bị đơn bà Trương Thị Thanh T thừa nhận còn nợ nguyên đơn bà Đặng Thị M số tiền vốn vay còn nợ tổng cộng 70.000.0000 đồng (theo biên nhận ngày

22/01/2019 và ngày 28/02/2019) và không yêu cầu tính lãi của số tiền vay 70.000.0000 đồng.

- Bị đơn có tham gia chơi hụi tuần khui ngày 31/3/2019 và đã hốt 2 phần vào các ngày 31/3/2019 được số tiền 5.280.000 đồng và ngày 04/4/2019 được số tiền 5.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi tháng khui ngày 05/4/2019 về việc yêu cầu bà T thánh toán cho bà M số tiền 8.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của bà M là tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của bà M.

[2] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa bà M và bà T có giao kết hợp đồng vay tài sản theo biên nhận ngày 22/01/2019 và ngày 28/02/2019 với nội dung bà M có cho bà T vay hai lần tiền vào các ngày 22 tháng 01 năm 2019 là 40.000.000 đồng, ngày 28 tháng 02 năm 2019 là 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà Trang thừa nhận bà T còn nợ bà M hai lần vay tiền nêu trên là 70.000.000 đồng và đồng ý trả trả số tiền này cho bà M .Do đó, bà M yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ 70.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu tính lại số tiền lãi bà T đã đóng cho bà M. Hội đồng xét xử nhận thấy, các đương sự đều thừa nhận việc cho vay nêu trên các bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Xét thấy, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 "*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực*" thì thỏa thuận nêu trên là vượt quá quy định của pháp luật và phần vượt quá không có hiệu lực. Về số tiền lãi bà T đã đóng cho bà M trong hai lần vay ngày 22/01/2019 và ngày 28/02/2019 thì đại diện bị đơn bà Trang cho rằng bà T đã đóng lãi đến hết tháng 06/2019, lãi suất 5%/tháng với số tiền là 12.500.000 đồng, việc đóng lãi không biên nhận, không có người chứng kiến. Còn bà M thừa nhận bà T đã đóng lãi cho bà M đến hết tháng

05/2019. Tuy nhiên, số tiền lãi của tháng 05/2019 bà T đóng cho bà M, thì các bên có thỏa thuận bà T dùng số tiền lãi 3.500.000 đồng này để đóng thay cho bà M một chân hụi khác do bà T làm chủ hụi, bà M là hụi viên. Như vậy, mặc dù số tiền lãi của tháng 05/2019 bà T không đưa trực tiếp cho bà M, nhưng bà M thừa nhận và đồng ý cho bà T dùng số tiền này đóng hụi thay cho bà M. Nên cần xác định bà T đã đóng lãi cho bà M đến hết tháng 05/2019 với số tiền là 12.500.000 đồng là phù hợp. Vì vậy, số tiền lãi mà bà T đã đóng cho bà M được tính lại như sau:

[3.1] Đối với khoảng vay ngày 22 tháng 01 năm 2019 là 40.000.000 đồng:

- Từ ngày 22/01/2019 đến ngày 22/02/2019 x 40.000.000 đồng x (20%/năm) tương đương 1,66%/tháng = 664.000 đồng. Lãi đã đóng là 2.000.000 đồng – 664.000 đồng = 1.336.000 đồng được trừ vào số tiền gốc 40.000.000 đồng – 1.336.000 đồng = 38.664.000 đồng.

- Từ ngày 23/02/2019 đến ngày 22/03/2019 x 38.664.000 đồng x 1.66%/tháng = 641.822 đồng. Lãi đã đóng 2.000.000 đồng - 641.822 đồng = 1.358.178 đồng được trừ vào số tiền gốc 38.664.000 đồng - 1.358.178 đồng = 37.305.822 đồng.

- Từ ngày 23/03/2019 đến ngày 22/04/2019 x 37.305.822 đồng x 1.66%/tháng = 619.276 đồng. Lãi đã đóng 2.000.000 đồng – 619.276 đồng = 1.380.724 đồng được trừ vào số tiền gốc 37.305.822 đồng - 1.380.724 đồng = 35.925.098 đồng.

- Từ ngày 23/4/2019 đến ngày 22/5/2019 x 35.925.098 đồng 1.66%/tháng = 596.356 đồng. Lãi đã đóng 2.000.000 đồng - 596.356 đồng = 1.403.644 đồng được trừ vào số tiền gốc 35.925.098 đồng - 1.403.644 đồng = 34.521.454 đồng.

[3.2] Đối với khoảng vay ngày 28 tháng 02 năm 2019 là 30.000.000 đồng

- Từ ngày 28/02/2019 đến ngày 28/03/2019 x 30.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 498.000 đồng. Lãi đã đóng là 1.500.000 đồng – 498.000 đồng = 1.002.000 đồng được trừ vào số tiền gốc 30.000.000 đồng – 1.002.000 đồng = 28.998.000 đồng.

- Từ ngày 29/03/2019 đến ngày 28/04/2019 x 28.998.000 đồng x 1.66%/tháng = 481.366 đồng. Lãi đã đóng 1.500.000 đồng - 481.366 đồng = 1.018.634 đồng được trừ vào số tiền gốc 28.998.000 đồng - 1.018.634 đồng = 27.979.366 đồng.

- Từ ngày 29/04/2019 đến ngày 28/05/2019 x 27.979.366 đồng x 1.66%/tháng = 464.457 đồng. Lãi đã đóng 1.500.000 đồng - 464.457 đồng = 1.035.543 đồng được trừ vào số tiền gốc 27.979.366 đồng - 1.035.543 đồng = 26.943.823 đồng.

[3.3] Như vậy, số tiền gốc còn lại của cả hai khoản vay nêu trên sau khi cấn trừ còn lại là 34.521.454 đồng + 26.943.823 đồng = 61.465.277 đồng. Do đó, bà T có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc này cho bà M.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn M về việc yêu cầu bị đơn Thảo thanh toán số tiền hụi 11.600.000 đồng. Thấy rằng: Theo bà M trình bày, đối với dây hụi tuần 200.000 đồng, có 34 phần, khởi khui ngày 31/3/2019, ngày mãn hụi 17/11/2019 bà T chơi 02 phần. Bà T hốt lần 1 vào ngày 31/3/2019 được số tiền 5.280.000 đồng, bà T hốt lần 2 vào ngày 04/4/2019 số tiền bà T nhận được là 5.600.000 đồng. Bà T đã đóng hụi chết đến ngày 05/5/2019 được 05 lần mỗi lần 400.000 đồng x 5 = 2.000.000 đồng thì ngưng, bà M đã đóng thay cho bà T 29 lần x 400.000 đồng = 11.600.000 đồng. Nay bà M yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán số tiền 11.600.000 đồng cho bà M. Xét thấy, tại phiên tòa bà Trang thừa nhận bà T có tham gia chơi hụi tuần và đã hốt hụi như bà M trình là đúng. Tuy nhiên, bà T cho rằng bà M đã đóng xong hết phần hụi chết bằng hình thức trả trực tiếp bằng tiền mặt cho bà M vào các ngày 12/6/2019 chuyển khoản số tiền 500.000 đồng; ngày 09/9/2019 chuyển khoản số tiền 1.700.000 đồng; ngày 25/7/2019 chuyển khoản số tiền 400.000 đồng; ngày 06/9/2019 chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng.

[5] Tổng cộng số tiền hụi đã đóng do chuyển khoảng là 7.600.000 đồng và số tiền hụi còn lại bà T đã trả cho bà M bằng hình thức giao trực tiếp bằng tiền mặt (khi giao thì không có làm biên nhận). Do đó, bà T đã đóng đủ số tiền hụi tuần cho bà M. Xét thấy, tại phiên tòa bà M thừa nhận bà T có chuyển khoản cho bà M như bà T trình bày, tuy nhiên đây không phải là trả nợ hụi trong dây hụi tuần này mà trả cho số tiền hụi của chân hụi khác do bà T làm chủ số tiền này do bà M đóng cho bà T còn dư nên bà T chuyển trả lại cho bà M. Thấy rằng, ngoài lời trình bày này nguyên đơn M không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Mặc khác, thời gian chuyển 04 lần tiền từ ngày 12/6/2019 đến ngày 06/9/2019 là trong khoảng thời gian diễn ra việc chơi hụi và đóng hụi chết. Nên việc bà T cho rằng đây là số tiền thanh toán nợ hụi tuần như trên là có căn cứ. Như vậy, kể từ thời điểm hết tháng 05/2019 tổng số tiền bà T đã thanh toán cho bà M là 7.600.000 đồng (chuyển khoản). Xét thấy, nguyên đơn M yêu cầu bà T trả tổng cộng tiền hụi tuần là 11.600.000 đồng, bị đơn T chứng minh được đã trả 7.600.000 đồng còn lại 4.000.000 đồng thì bà T cho rằng bà T đã trả cho bà M nhưng không nhớ thời gian trả, không có biên nhận, không có tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả đủ, nguyên đơn M chỉ thừa nhận đã nhận của bị đơn T số tiền 7.600.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu này của bà M đối với số tiền 4.000.000đồng là phù hợp.

[6] Như đã phân tích nêu trên lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí trên trên phần có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu phần án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 95, Điều 147, Khoản 1 Điều 273, Khoản 2 Điều 244, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466; Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 16, Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu phường. Khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị M về việc yêu cầu bị đơn bà Trương Thị Thanh T thanh toán số tiền nợ hụi tháng còn thiếu 8.000.000 đồng khui ngày 05 tháng 4 năm 2019.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị M

3. Buộc bị đơn bà Trương Thị Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đặng Thị M tiền vay: 61.465.277 đồng; nợ hụi 4.000.000 đồng. Tổng cộng: 65.465.277 đồng.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị M về việc yêu cầu bị đơn bà Trương Thị Thanh T thanh toán tiền nợ vay và nợ hụi là 16.134.723 đồng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đặng Thị M phải chịu án phí sơ thẩm 806.736 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.245.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001463 ngày 26/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị M số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 1.438.264 đồng.

Bị đơn bà Trương Thị Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 3.273.263 đồng.

6. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Đặng Thị M có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Trương Thị Thanh T trả lãi cho bà M theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

7. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyền